

## NGÂN HANG CÂU HỎI MÔN LUẬT HÀNH CHÍNH

**Câu 1:** Trình bày khái niệm quản lý nhà nước:

**Câu 2.** Phân tích các dấu hiệu cơ bản để xác định nguồn luật hành chính

**Câu 3.** Trình bày các điều kiện làm phát sinh thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính.

**Câu 4.** Trình bày nguyên tắc Đảng lãnh đạo.

**Câu 5:** Trình bày nguyên tắc tập trung dân chủ .

**Câu 6:** ý nghĩa của việc quy định thời hiệu trong sử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 7 :** phân biệt hoạt động quản lý hành chính nhà nước với hoạt động quản lý của tổ chức xã hội .

**Câu 8:** X làm đơn khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền về việc làm trái pháp luật của một nhân viên nhà nước, cơ quan có thẩm quyền không giải quyết khiếu nại của X. Hỏi trong trường hợp này giữa X và cơ quan có phát sinh ra pháp luật hành chính không? Tại sao?

**Câu 9:** Những trường hợp công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, để tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính công dân có điều kiện gì ? Hãy phân tích điều kiện đó.

**Câu 10:** những người được bầu giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ không phải là công chức.

**Câu 11:** bất cứ cá nhân nào đang ở trên lãnh thổ nước ChxhcnVN hay người ở nước ngoài ,Không quốc tịch ... đều là đối tượng của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính .

**Câu 12 :** các chủ thể có thẩm quyền phạt hành chính được phép áp dụng biện pháp hành chính tạm giữ người theo thủ tục hành chính

**Câu 13 :** các tổ chức xã hội có quyền ban hành các quy phạm pháp luật .

**Câu 14:** cưỡng chế hành chính chỉ được áp dụng khi có vi phạm hành chính xảy ra.

**Câu 15:** Viện trưởng viện kiểm sát của các cấp có thể ban hành các văn bản quản lý hành chính nhà nc

**Câu 16:** hành khách Việt Nam đi trên máy bay của Xingapo tuyến bay Hà Nội- Xingapo nếu có hành khách vi phạm hành chính trên

máy bay ở đoạn Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh thì sẽ được xử lý theo pháp luật hành chính Việt Nam .

**Câu 17:** trong mọi trường hợp việc truy cứu trách nhiệm hành chính không cần xét đến thực tế là hậu quả đã xảy ra hay chưa xảy ra ?

**Câu 18 :** hành vi pháp lý hành chính hợp pháp không phải là sự kiện pháp lý hành chính làm phát sinh, thay đổi chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính .

**Câu 19 :** Quan hệ pháp luật mà một bên chủ thể là cơ quan hành chính nhà nước mà quan hệ pháp luật hành chính .

**Câu 20:** Văn bản quản lý hành chính chỉ đạo cơ quan hành chính nhà nước ban hành.

**Câu 21:** Chỉ các cơ quan hành chính nhà nước mới thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước.

**Câu 22:** Các nghị quyết của Đảng (của đại biểu toàn quốc ban chính trị trung ương) có phải là nguồn luật hành chính hay không ? Tại sao ?

**Câu 23:** mọi quan hệ pháp luật có sự tham gia của các cơ quan hành chính nhà nước đều là quan hệ pháp luật hành chính .

**Câu 24:** Tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đều là văn bản quản lý hành chính nhà nước.

**Câu 25:** các biện pháp xử lý hành chính khác chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên từ độ tuổi 14 trở lên.

**Câu 26:** Các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước có phải điều là quan hệ pháp luật hành chính hay không?

**Câu 27:** Mọi chủ thể của quản lý hành chính nhà nước đều là chủ thể của quan hệ pháp luật

**Câu 28:** Các cá nhân hoặc các tổ chức thực hiện quyền hành pháp đều là cơ quan hành chính nhà nước

**Câu 29:** Trong trường hợp vi phạm hành xử ra đã hết thời hạn xử phạt hành chính thì cơ quan hoặc cán bộ nhà nước có thẩm quyền có được phép áp dụng các biện pháp xử lý phạt vi phạm hành chính hay không? tại sao? trong trường hợp nào?

**Câu 30:** Nguyên tắc phụ thuộc hai chiều đối với cơ quan hành chính nhà nước

**Câu 31:** Mọi cán bộ thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đều có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính .

**Câu 32:** Hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người chưa thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không phải thi hành nữa .

**Câu 33:** Mọi văn bản quản lý hành chính nhà nước đều là nguồn của luật hành chính .

**Câu 34:** Người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước đều là viên chức nhà nước

**Câu 35:** Người nước ngoài ở Việt Nam được hưởng các quy chế pháp lý hành chính một cách thống nhất .

**Câu 36:** áp dụng quy phạm pháp luật hành chính có thể thực hiện bằng không hành động.

**Câu 37:** Mọi nghị định của chính phủ ban hành đều là nguồn của luật hành chính.

**Câu 38:** Cơ quan hành chính nhà nước là loại cơ quan duy nhất trong bộ máy nhà nước có hệ thống các đơn vị trực thuộc.

**Câu 39:** Các tổ chức hoạt động cho lợi ích công đều là cơ quan hành chính nhà nước.

**Câu 40:** Mọi công dân đều là chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính.

**Câu 41:** “So sánh quản lý nhà nước với quản lý”.

**Câu 42:** “ So sánh giữa quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước”

**Câu 43:** “tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước ”

**Câu 44:** “ trình bày đối tượng của luật hành chính, trong các nhóm nào là cơ bản quan trọng nhất ? tại sao?”

**Câu 45:** “Chứng minh rằng phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là phương pháp mệnh lệnh đơn phương bắt buộc”.

**Câu 46:** có phải trong mọi trường hợp 2 cơ quan hành chính nhà nước ngang cấp có cùng địa vị pháp lý đều phát sinh quan hệ pháp luật hành chính hay không?

**Câu 47:** “ Hãy phân tích các yêu cầu của việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính trong xử phạt vi phạm hành chính”.

**Câu 48:** “ Có phải mọi quan hệ pháp luật cơ quan hành chính nhà nước tham gia đều phải là quan hệ pháp luật hành chính ?hay không ” .

**Câu 49:** “ Mỗi công dân đủ 18 tuổi trở lên đều là chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính, mệnh đề trên đúng hay sai? Tại sao ”

**Câu 50:** Phân tích đặc trưng của quan hệ pháp luật hành chính sau: “Trong quan hệ pháp luật hành chính, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia bao giờ cũng gắn với hoạt động chấp hành và điều hành ”.

**Câu 51:** Phân tích nguyên tắc tập trung dân chủ ? Tại sao biểu hiện phụ thuộc hai chiều chỉ có cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ?

**Câu 52:** Tại sao hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật hành chính là chính thức cơ bản của hành chính nhà nước, hoạt động ban hành văn bản áp dụng là chủ yếu của quản lý hành chính nhà nước.

**Câu 53:** Mối quan hệ giữa thuyết phục và cưỡng chế.

**Câu 54:** “ Phân biệt cưỡng chế hành chính và trách nhiệm hành chính ”

**Câu 55:** Phân biệt xử phạt hành chính và biện pháp ngăn chặn hành chính

**Câu 56:** “Phân biệt văn bản quản lý hành chính với văn bản là nguồn của luật hành chính”.

**Câu 57:** “Phân biệt viên chức là công chức với viên chức không phải là công chức. Việc phân biệt có ý nghĩa gì? cũng một vi phạm thì viên chức nhà nước chịu nhiều nhất là mấy trách nhiệm pháp lý”

**Câu 58:** “trình bày các trường hợp công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, lấy ví dụ minh họa”

**Câu 59:** “A ở độ tuổi vị thành niên thực hiện vi phạm hành chính ”hỏi.

**Câu 60:** “Điều kiện để truy cứu trách nhiệm hành chính đối với công dân”

**Câu 61:** Biểu hiện phụ thuộc 2 chiều trong tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Lấy ví dụ minh họa

**Câu 62:** “Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính có tính chất bắt buộc khi xử lý vi phạm hành chính không”.

**Câu 63:** “ ý nghĩa của thời hiệu trong xử phạt hành chính ”

**Câu 64:** “Phân tích nguyên tắc một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”.

**Câu 65:** “Phân tích vi phạm hành chính (hoặc phân tích khái niệm, đặc điểm vi phạm hành chính ), cho ví dụ minh họa ”

**Câu 66:** “Phân tích tính quyền lực của văn bản quản lý hành chính nhà nước”

**Câu1: Trình bày khái niệm quản lý nhà nước:**

Quản lý nhà nước là sự điều khiển chỉ đạo một hệ thống hay quá trình để nó vận động theo phương hướng đạt mục đích nhất định căn cứ vào các quy luật hành chính, luật nguyên tắc tương ứng.

Điều kiện quản lý:

- Phải có quyền uy.
- Có tổ chức
- Và có sức mạnh cưỡng chế .

Quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp., hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước.

Quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước chủ yếu bằng pháp luật tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện các chức năng đối nội đối ngoại của nhà nước chủ quan của quản lý nhà nước là tổ chức hay mang quyền lực nhà nước trong quá trình hoạt động tới đối tượng quản lý.

Chủ thể quản lý nhà nước bao gồm: Nhà nước. Cơ quan nhà nước tổ chức nhà nước xã hội và cá nhân được nhà nước uỷ quyền thực hiện quyền quản lý nhà nước .

Khách thể của quản lý nhà nước: Là trật tự quản lý nhà nước. Quản lý hành chính nhà nước là một hình thức hoạt động của nhà nước được thực hiện trước hết và uỷ quyền các cơ quan hành chính nhà nước .

Tính chấp hành thể hiện ở chỗ bảo đảm thực hiện thực tế các văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước được tiến hành trên cơ sở pháp luật .

Tính chất điều hành để đảm bảo cho các văn bản pháp luật các cơ quan quyền lực nhà nước được thực thi.Trong thực tế các chủ thể

của quản lý nhà nước tiến hành hoạt động tổ chức và hoạt động trực tiếp đối với các đối tượng quản lý.

Cơ quan hành chính nhà nước ban hành mệnh lệnh cụ thể bắt buộc các đối tượng quản lý phải thực hiện. Như vậy các chủ thể quản lý hành chính nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước điều khiển hoạt động của các đối tượng quản lý. Hoạt động điều hành là nội dung cơ bản của hoạt động chấp hành quyền lực nhà nước.

Chủ thể của quản lý hành chính nhà nước. Là các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội cá nhân được nhà nước trao quyền quản lý hành chính.

Khách thể của quản lý hành chính nhà nước

## **Câu 2. Phân tích các dấu hiệu cơ bản để xác định nguồn luật hành chính**

Định nghĩa nguồn: Nguồn của luật hành chính là những văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, có thẩm quyền ban hành theo thủ tục và dưới những hình thức nhất định. có nội dung các quy phạm pháp luật hành chính có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng có liên quan và được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước.

Như vậy không phải mọi văn bản pháp luật đều là luật hành chính mà chỉ có những **văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính mới là nguồn của luật hành chính**. Còn các văn bản pháp luật không chứa đựng nội dung các quy phạm pháp luật hành chính thì thuộc các ngành luật khác điều chỉnh, ví dụ: Luật tổ chức chính phủ, luật bầu cử....Không phải tất cả văn bản pháp luật do nhà nước ban hành đều là nguồn của luật hành chính .

Những văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với đối tượng có liên quan được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước mà nguồn của luật hành chính thuộc các ngành luật hành chính.

Đặc điểm ban hành các văn bản pháp luật là nguồn luật hành chính :

Các văn bản pháp luật là nguồn ban hành của luật hành chính chủ yếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền độc lập ban hành. Có những văn bản do nhiều cơ quan nhà nước phối hợp ban hành để giải quyết những công việc có liên quan và cùng nhau phối hợp giải quyết. Ví dụ: thông tư liên bộ .

Có một số văn bản giả pháp luật liên tịch do cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức cơ bản và chủ yếu vì số lượng rất ít.

**Câu 3. Trình bày các điều kiện làm phát sinh thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính.**

Một quan hệ pháp luật hành chính muốn phát sinh, thay đổi phải có quy phạm pháp luật hành chính. Sự kiện pháp lý hành chính và năng lực chủ thể.

**Câu 4. Trình bày nguyên tắc Đảng lãnh đạo.**

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo được đặt lên hàng đầu trong quản lý hành chính nhà nước. Hiến pháp 1992 quy định ở điều 4 “Đảng cộng sản Việt Nam đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội”.

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội mang tính tất yếu.

- Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định đối với việc xác định phương hướng hoạt động của bộ máy nhà nước là để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước tạo điều kiện để nhân dân lao động tham gia vào quản lý nhà nước. Lãnh đạo quản lý nhà nước trước hết bằng các nghị quyết trong đó vạch ra đường lối chủ chương, chính sách nhiệm vụ cho quản lý nhà nước. Phương hướng hoàn thiện hệ thống các cơ quan quản lý về mặt tổ chức cơ cấu cũng như các hình thức và phương pháp hoạt động chung. Mọi vấn đề quan trọng nhất của quản lý nhà nước kể cả những vấn đề chiếm lược lâu dài đều được Đảng thảo luận quyết định.

- Với tầm quan trọng như vậy sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của nhà nước là tính tất yếu.

Biểu hiện: Đảng lãnh đạo theo đường lối, tổ chức cán bộ, kiểm tra.

\* Các hình thức lãnh đạo của Đảng:

Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không bao biện làm thay Đảng lãnh đạo thông qua quản lý nhà nước, lãnh đạo việc sắp xếp phân bổ cán bộ việc bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong bộ máy quản lý nhà nước đều có ý kiến chỉ đạo của cơ quan Đảng tương đương.

Sau khi thông qua các nghị quyết chỉ đạo việc phân bổ cán bộ thì trọng tâm sự lãnh đạo của Đảng chuyển sang hình thức kiểm tra.

Để kiểm tra việc thực hiện công việc trên thực tế và thông qua công tác kiểm tra Đảng đánh giá được tính hiệu quả và tính thực tế của chính đường lối của mình. Thông qua công tác kiểm tra này Đảng nắm được hoạt động thể chế hoá đường lối của Đảng, của các cấp chính quyền như thế nào.

Các nghị quyết của Đảng không mang tính quyền lực pháp lý, chỉ có tính bắt buộc trực tiếp thi hành đối với Đảng viên, nhưng bằng uy tín của Đảng, vai trò gương mẫu của Đảng viên, sự lãnh đạo to lớn của Đảng đối với hệ thống quản lý nhà nước bảo đảm hiệu quả hoạt động.

Chính sự lãnh đạo của Đảng là cơ sở đảm bảo sự phối hợp của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội lôi cuốn được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tất cả các cấp quản lý.

Thay các cơ quan hành chính nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan hành chính thực hiện tốt chức năng của mình

### **Câu 5: Trình bày nguyên tắc tập trung dân chủ.**

Điều 6 Hiến pháp 1992 quy định “ Quốc hội, HĐND các cấp và các cơ quan khác của nhà nước đều tổ chức và hoạt động của nhà nước ta. Nguyên tắc tập trung dân chủ ” Đây là nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của nhà nước ta. Nguyên tắc này quy định trước hết là sự lãnh đạo tập trung. Sự tập trung đó bảo đảm cho cơ quan cấp dưới ở địa phương và cơ sở có khả năng thực hiện quyết định của trung ương đồng thời đảm bảo tính sáng tạo chủ động của địa phương và cơ sở trong việc giải quyết vấn đề ở địa phương và cơ sở đó. Tránh tập trung quan liêu cũng như dân chủ quá trớn. Vô nguyên tắc dẫn đến cục bộ địa phương, phải bảo đảm quyền làm chủ của các cấp quản lý quyền quyết định của trung ương đối với những vấn đề then chốt. Những vấn đề có tính chất chiến lược bảo đảm cho sự phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân. Biểu hiện của nguyên tắc tập trung dân chủ :

1/ sự phụ thuộc của cơ quan hành chính nhà nước vào cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp. Đây là quan hệ Trực thuộc chịu trách nhiệm và báo cáo công tác của cơ quan quản lý nhà nước trước cơ quan dân cư. Yếu tố tập trung này thể hiện rõ rệt quan hệ giữa cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính.



Yếu tố dân chủ còn được thực hiện trong việc cơ quan quyền lực trao quyền sáng tạo cho cơ quan hành chính và cơ quan quyền lực không làm.

2/ sự phục tùng của cấp dưới tối đa với cấp trên. Địa phương với trung ương. Có sự phục tùng đó thì trung ương mới tập trung được quyền lực nhà nước để chỉ đạo, Giám sát hoạt động của cấp dưới. Sự phân cấp quản lý là phân định, chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của các cấp trong quản lý. Sự phân cấp cho địa phương tránh cho các cơ quan trung ương phải làm những công việc thuộc quyền của địa phương .

Các cơ quan hành chính nhà nước cấp trên tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cấp dưới cụ thể là những khuyến khích sản xuất ra của cải vật chất bảo hộ quyền sở hữu các tài sản hợp pháp. quyền lực chung của các đơn vị cơ sở. Giúp đỡ về mặt vật chất hướng dẫn hoạt động .

3/ Sự phụ thuộc 2 chiều của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương:

Chiều dọc là phụ thuộc các cơ quan hành chính cấp trên để cơ quan hành chính cấp trên có thể tập trung quyền lực để chỉ đạo cấp dưới phát huy thế mạnh địa phương hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

**Câu 6: ý nghĩa của việc quy định thời hiệu trong xử phạt vi phạm hành chính.**

Trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính thời hiệu dùng để biểu thị một khoảng thời gian nhất định do pháp luật do pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính quy định, mà hết hạn đó không được xử phạt đối với cá nhân tổ chức vi phạm hành chính. việc quy định thời hiệu có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi nó tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong việc xử phạt và thi hành quyết định xử phạt hành chính, góp phần đề cao trách nhiệm của cơ quan, của người có thẩm quyền xử phạt hành chính trong việc phát hiện kịp thời. Xử lý nhanh chóng, công minh, đúng pháp luật những vụ việc vi phạm hành chính, bảo đảm hiệu lực thi hành và tác dụng giáo dục phòng ngừa của quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Theo điều 9 điều 48 điều 56 của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu của xử lý vi phạm hành chính nói chung là 1 năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện đối với**



nghĩa vụ trong lĩnh vực chấp hành điều hành chính cụ thể. Khi đó quan hệ thiết lập hành chính giữa bên yêu cầu và bên được yêu cầu sẽ phát sinh. Không cần có sự đồng ý của bên được yêu cầu .

Do vậy khiếu nại của ông X là yêu cầu hợp pháp buộc cơ quan có thẩm quyền phải thụ lý đơn. Việc thụ lý đơn phải phát sinh quan hệ pháp luật hành chính .

**Câu 9: Những trường hợp công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, để tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính công dân có điều kiện gì ? Hãy phân tích điều kiện đó.**

Khái niệm : Quan hệ pháp luật hành chính là những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chấp hành điều hành của nhà nước, điều chỉnh các quy phạm pháp luật hành chính giữa chủ thể mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính . Nhưng trường hợp công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính .

- Công dân thực hiện quyền.

- Công dân thực hiện nghĩa vụ .

- Công dân không thể thực hiện nghĩa vụ khi quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm và họ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

+ Điều kiện :

Công dân có năng lực chủ thể được pháp luật chi phép .

**Khẳng định sau đây đúng hay sai?**

**Câu 10: những người được bầu giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ không phải là công chức.**

Khẳng định trên là đúng . Vì công chức nhà nước được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ mọi công vụ trường xuyên trong một số công sở của nhà nước ở trung ương hay địa phương, ở trong nước hay ngoài nước đã được xếp vào một ngạch, hưởng lương theo ngân sách nhà nước cấp. Những người bầu giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ không phải là công chức .

**Câu 11: bất cứ cá nhân nào đang ở trên lãnh thổ nước ChxhcnVN hay người ở nước ngoài ,Không quốc tịch ... đều là đối tượng của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính .**

Khẳng định trên là đúng .

**Câu 12 : các chủ thể có thẩm quyền phạt hành chính được phép áp dụng biện pháp hành chính tạm giữ người theo thủ tục hành chính**

Khẳng định trên là : Sai vì chỉ có một số chủ thể như trưởng công an cấp huyện, trưởng công an cấp tỉnh trở lên mới có quyền tạm giữ người . các chủ thể khác như chiến sỹ cảnh sát giao thông, kiểm lâm... Không có quyền tạm giữ người .

**Câu 13 : các tổ chức xã hội có quyền ban hành các quy phạm pháp luật .**

Khẳng định trên là Sai: Vì theo quy định của pháp luật chỉ có các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới ban hành ra các quy phạm pháp luật trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật các tổ chức xã hội mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật .

**ví dụ** : Tổng liên đoàn lao động Việt Nam .

**Câu 14: cưỡng chế hành chính chỉ được áp dụng khi có vi phạm hành chính xảy ra.**

Khẳng định trên là sai : Vì có nhiều loại cưỡng chế hành chính áp dụng cho những cá nhân không vi phạm hành chính .

**Ví dụ** : Trường hợp trưng dụng, trưng thu tài sản .

**Câu 15: Viện trưởng viện kiểm sát của các cấp có thể ban hành các văn bản quản lý hành chính nhà nước.**

Khẳng định trên là đúng vì : Viện kiểm sát có chức năng hoạt động quản lý hành chính nhà nước . Như công tác quản lý cán bộ .

**Câu 16: hành khách Việt Nam đi trên máy bay của Xingapo tuyến bay Hà Nội- Xingapo nếu có hành khách vi phạm hành chính trên máy bay ở đoạn Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh thì sẽ được xử lý theo pháp luật hành chính Việt Nam .**

Khẳng định trên là sai vì: Nó không thuộc đối tượng điều chỉnh của luật hành chính Việt Nam. Máy bay đó tuy bay trên không phận Việt Nam nhưng đó là lãnh thổ của họ. Máy bay theo quy định hành khách trong máy bay vi phạm không thuộc đối tượng điều chỉnh luật hành chính Việt Nam

**Câu 17: trong mọi trường hợp việc truy cứu trách nhiệm hành chính không cần xét đến thực tế là hậu quả đã xảy ra hay chưa xảy ra ?**

Khẳng định trên là đúng vì vi phạm hành chính là vi phạm cấu thành hình thức nên có đủ hành vi cấu thành vi phạm hành chính mà không cần hậu quả xảy ra. Hậu quả chỉ là tình tiết để lựa chọn hình thức và mức độ xử phạt.

**Câu 18 :** *hành vi pháp lý hành chính hợp pháp không phải là sự kiện pháp lý hành chính làm phát sinh, thay đổi chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính .*

Khẳng định trên là đúng vì:

**Ví dụ :** 2 công dân Việt Nam đến tuổi luật định họ xin đăng ký kết hôn hành vi này làm phát sinh sự kiện pháp lý hành chính hợp pháp phát sinh quan hệ giữa họ với UBNDphường .

**Câu 19 :** *Quan hệ pháp luật mà một bên chủ thể là cơ quan hành chính nhà nước mà quan hệ pháp luật hành chính .*

Khẳng định trên là sai vì: Cơ quan hành chính nhà nước cũng là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

**Câu 20:** *Văn bản quản lý hành chính chỉ đạo cơ quan hành chính nhà nước ban hành.*

Khẳng định trên là sai vì: Cơ quan hành chính nhà nước là cơ quan được quyền ban hành văn bản quản lý hành chính.các cơ quan khác họ cũng có quyền ban hành văn bản quản lý hành chính .

**Ví dụ :** Thẩm phán có quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thủ trưởng cơ quan ra quyết định tăng lương.....

**Câu21:** *Chỉ các cơ quan hành chính nhà nước mới thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước.*

Khẳng định trên là sai vì : Cơ quan nhà nước có chức năng cơ bản là quản lý hành chính nhà nước ngoài ra còn có các cơ quan nhà nước khác thực hiện chức năng này nhưng không phải là chức năng cơ bản .

**Câu 22:** *Các nghị quyết của Đảng (của đại biểu toàn quốc ban chính trị trung ương) có phải là nguồn luật hành chính hay không ?*

**Tại sao ?**

Các nghị quyết của đảng không phải là các văn bản của cơ quan nhà nước ban hành, không chứa các quy định pháp luật hành chính. Các văn bản đó tuy không phải là nguồn của văn bản luật hành chính nhưng nó là cơ sở, căn cứ để nhà nước có thể hoá thành quy phạm pháp luật hành chính. Do vậy nghị quyết của Đảng không phải là nguồn của luật hành chính

**Câu 23:** *mọi quan hệ pháp luật có sự tham gia của các cơ quan hành chính nhà nước đều là quan hệ pháp luật hành chính .*

Khẳng định trên là sai:

**Câu 24:** *Tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đều là văn bản quản lý hành chính nhà nước.*

Khẳng định sai vì : Văn bản quản lý hành chính nhà nước là văn bản dưới luật văn bản này không phải do chủ thể là cơ quan quyền lực nhà nước ban hành mà do cơ quan quản lý hành chính nhà nước ban hành các văn bản này thực chất có một số văn bản ban hành trước văn bản luật. Về nguyên tắc các cơ quan ban hành văn bản phải căn cứ vào văn bản của cơ quan quyền lực nhà nước để ban hành.

**Câu 25: các biện pháp xử lý hành chính khác chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên từ độ tuổi 14 trở lên .**

Khẳng định trên là sai vì căn cứ điều 27 của pháp lệnh đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm người từ đủ 12 tuổi dưới 18 tuổi .

**Câu 26: Các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước có phải điều là quan hệ pháp luật hành chính hay không?**

Khẳng định sai : Đối tượng quản lý hành chính rất rộng, chỉ có quan hệ nào được quy định trong pháp luật hành chính thì mới được coi là quan hệ pháp luật hành chính .

**Câu 27: Mọi chủ thể của quản lý hành chính nhà nước đều là chủ thể của quan hệ pháp luật**

Khẳng định đúng: Chủ thể của quản lý hành chính nhà nước là cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước có thẩm quyền. Các tổ chức xã hội và cá nhân được nhà nước trao quyền quản lý hành chính trong một số trường hợp cụ thể.

**Câu 28: Các cá nhân hoặc các tổ chức thực hiện quyền hành pháp đều là cơ quan hành chính nhà nước**

Sai : Quyền hành pháp là quyền của nhà nước được giao cho nhiều cơ quan .Quốc hội cũng có những hoạt động hành pháp. Trong trường hợp cần thiết Quốc hội có thể thành đoàn kiểm tra quyền hành pháp.

**Câu 29: Trong trường hợp vi phạm hành xảy ra đã hết thời hạn xử phạt hành chính thì cơ quan hoặc cán bộ nhà nước có thẩm quyền có được phép áp dụng các biện pháp xử lý phạt vi phạm hành chính hay không? tại sao?trong trường hợp nào?**

Về nguyên tắc các vi phạm hành chính xảy ra nhưng đã hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính thì không được xử lý vi phạm hành chính song trong một số trường hợp cụ thể được pháp luật quy định thì mặc dù vi phạm hành chính đã xảy ra hết thời hiệu xử phạt cơ

quan hoặc cán bộ có thẩm quyền không được phép ra quyết định xử phạt hành chính nhưng có thể được phép áp dụng các biện pháp xử phạt bổ sung 9 ( trong trường hợp biện pháp xử phạt bổ sung được áp dụng độc lập) tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật. Phương tiện vi phạm buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc tiêu huỷ văn hoá phẩm độc hại, các vật phẩm gây nguy hại cho sức khoẻ người tiêu dùng, buộc phải khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường, buộc phải bồi thường thiệt hại đến 1 triệu đồng trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, nghĩa vụ, ngân hàng.môi trường .....

***Câu 30: Nguyên tắc phụ thuộc hai chiều đối với cơ quan hành chính nhà nước***

.Sai nguyên tắc này chỉ áp dụng đối với cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương không áp dụng đối với cơ quan hành chính nhà nước ở trung Ương.

***Câu 31: Mọi cán bộ thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đều có thẩm quyền xure phạt vi phạm hành chính .***

Đúng .

***Câu 32: Hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người chưa thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không phải thi hành nữa .***

Sai: Người không có khả năng thực hiện thì không phải thi hành .

Nếu cố ý lẩn tránh thời hiệu trên không được áp dụng ( theo khoản 3 điều 9 pháp lệnh 1995)

Có trường hợp hết thời hiệu họ vẫn phải thi hành nếu có vi phạm mới (xử mới và sẽ cộng cả vi phạm cũ- có thể lỗi tại cơ quan nhà nước)

***Câu 33: Mọi văn bản quản lý hành chính nhà nước đều là nguồn của luật hành chính .***

Sai : Vì nguồn luật hành chính là những văn bản có chứa đựng các quy phạm pháp luật hành chính

***Câu 34: Người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước đều là viên chức nhà nước.***

Sai: Vì người làm việc trong cơ quan nhà nước bao gồm:

- biên chế.

- Hợp đồng.

**Câu 35: Người nước ngoài ở Việt Nam được hưởng các quy chế pháp lý hành chính một cách thống nhất**

Đúng.

**Câu 36: áp dụng quy phạm pháp luật hành chính có thể thực hiện bằng không hành động.**

Đúng .

**Câu 37: Mọi nghị định của chính phủ ban hành đều là nguồn của luật hành chính.**

Sai :vì Nghị định của chính phủ và văn bản áp dụng pháp luật .

**Câu 38: Cơ quan hành chính nhà nước là loại cơ quan duy nhất trong bộ máy nhà nước có hệ thống các đơn vị trực thuộc.**

Sai : Vì các cơ quan khác như TATC, Viện kiểm sát tối cao, Quốc hội vẫn có đơn vị cơ sở trực thuộc .

**Ví dụ:** Toà án nhân dân tối cao có trưởng cán bộ toà án

**Câu 39: Các tổ chức hoạt động cho lợi ích công đều là cơ quan hành chính nhà nước.**

Sai: Vì Viện kiểm sát không phải là cơ quan hành chính cá nhân, không phải là cơ quan hành chính .

**Câu 40: Mọi công dân đều là chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính.**

Sai: Vì người chưa đủ tuổi luật định, người có năng lực học hành

**Ví dụ** như bệnh tâm thần .... không có thể là chủ thể của quan hệ luật hành chính .

**Câu 41: “So sánh quản lý nhà nước với quản lý”.**

Quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước.

Nói cách khác quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước chủ yếu bằng pháp luật tới đối tượng quản lý nhằm thực hiện chức năng đối nội và chức năng đối ngoại của nhà nước.

Từ khái niệm này,căn cứ vào phạm vi , vào chủ thể và khách thể của hoạt động của quản lý nhà nước nói riêng cũng như hoạt động



quản lý nói chung ta có thể dễ dàng phân biệt ( hay so sánh sự giống và khác nhau giữa 2 hoạt động này

<b>Nếu quản lý ( xã hội )</b>	<b>Thì quản lý nhà nước</b>
<p>a/ Khái niệm: Có thể diễn đạt bằng công thức sau: quản lý = chỉ đạo :</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Hệ thống, quá trình</li><li>+ quy luật, định luật</li><li>+ Phương hướng cụ thể</li></ul> <p>để cho hệ thống hay quá trình ấy vận động theo một trình tự nhất định.</p> <p>b/ phạm vi của quản lý ( xã hội ): bao hàm rất rộng trên tất cả mọi lĩnh vực, mọi hoạt động của đời sống gia đình, quản lý tôn giáo, quản lý chính trị đạo đức.</p> <p>c/ Chủ thể quản lý : rất rộng .</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- con người là chủ thể quản lý xã hội .</li><li>- Các cơ quan nhà nước .</li><li>- cá nhân được trao quyền hoặc không được trao quyền .</li></ul> <p>d/ Khách thể của quản lý : Đó là trật tự quản lý nói chung được xác định bởi các quy phạm trong đạo đức chính trị, tôn giáo, pháp luật .....</p>	<p>a/ Khái niệm : Có thể biểu đạt như sau:</p> <p>quản lý nhà nước = hoạt động :</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ lập pháp</li><li>+ Hành pháp</li><li>+ tư pháp</li></ul> <p>Để thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước .</p> <p>b/ Phạm vi của quản lý nhà nước: Chỉ trong 3 lĩnh vực lập pháp, hành pháp.tư pháp.</p> <p>c/ chủ thể quản lý nhà nước .</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phải là các cơ quan nhà nước cả nhà nước.</li><li>- Các cá nhân và tổ chức xã hội được trao quyền lực nhà nước.</li></ul> <p>d/ Khách thể của cơ quan nhà nước :</p> <p>Đó chỉ là trật tự quản lý nhà nước được xác định bởi các quy phạm pháp luật .</p>

\*Tóm lại: Khi nhà nước xuất hiện thì phần lớn các công việc của xã hội do nhà nước quản lý. Nói đến hoạt động quản lý nhà nước là nói đến hoạt động của chính bộ máy nhà nước của mình. Hoạt động quản lý xã hội mang phạm vi rộng lớn hơn, bao trùm hơn trong đó có

hoạt động quản nhà nước chỉ là một bộ phận quan trọng ảnh hưởng quyết định đến mọi hoạt động quản lý khác .

**Câu 42: “ So sánh giữa quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước”**

Xuất phát từ khái niệm quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp tư pháp nhằm thực hiện chức năng đối ngoại của nhà nước , ta thấy giữa 2 hoạt động quản lý nhà nước nói chung và quản lý hành chính nói riêng ( tức là quản lý nhà nước chỉ trong lĩnh vực hành pháp đó là hoạt động chỉ đạo thực hiện pháp luật gọi là quản lý hành chính nhà nước). Có những điểm riêng sau:

**Quản lý nhà nước**

\* Khái niệm : rộng hơn  
Quản lý nhà nước = chỉ đạo hoạt động

- + lập pháp
- + Hành pháp
- + Tư pháp

Để thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước.

\* Chủ thể:

- Nhà nước và các cơ quan nhà nước .
- các tổ chức xã hội và cá nhân được trao quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước .

\* Khách thể :

Trật tự quản lý nhà nước mới được xác định bởi quy phạm pháp luật.

\*Tóm lại: Hoạt động quản lý hành chính nhà nước (tức là hoạt động hành pháp bằng chỉ đạo tổ chức thực hiện pháp luật trên cơ sở pháp luật) là một hoạt động rộng lớn thường xuyên quan trọng trong quản lý nhà nước nhưng nằm trong khuôn khổ của nhà nước .

**Quản lý hành chính nhà nước**

\* Khái niệm : Hẹp hơn .

Quản lý hành chính nhà nước= hoạt động chỉ đạo pháp luật ( hành pháp)

Bảo đảm sự chấp hành luật, pháp lệnh

ng nghị quyết, của cơ quan quyền lực nhà nước (cơ quan dân chủ)

\* chủ thể:

- cơ quan hành chính nhà nước .
- cán bộ nhà nước có thẩm quyền .

\*Khách thể :

Đảm bảo hoạt động chấp hành, điều hành trên cơ sở pháp luật để chỉ đạo thực hiện pháp luật.

**Câu 43: “tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước ”**

Xuất phát từ thực trạng cơ sở kinh tế xã hội nước ta hiện nay nền kinh tế còn nhỏ bé yếu kém, trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ còn thấp, đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ít được đào tạo bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn .... Vì vậy để đưa đất nước đi lên việc tiến hành cải tiến hành chính và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước là rất quan trọng, cấp bách có tính sống còn

Nhà nước ta là một tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, do dân và vì dân, vì vậy để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trước hết chúng ta phải .

Luôn luôn tôn trọng nêu cao vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục cải cách bộ máy hành chính, tiêu chuẩn hoá đội ngũ công chức, viên chức nhà nước, muốn vậy chúng ta cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

- Tăng cường pháp chế XHCN, tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, hành chính, về quyền và nghĩa vụ của công dân. nâng cao trình độ của các cơ quan lập pháp, tuyên truyền nâng cao dân trí thức pháp luật cho nhân dân.

- Xác định rõ lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp tỉnh, huyện, đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương đồng thời đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất của chính quyền trung ương, xây dựng chính quyền cấp xã vững mạnh .

- Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. xử lý nhanh chóng kịp thời, nghiêm minh các vi phạm pháp luật .

- Kiên quyết dừng cầm sắp xếp lại tổ chức và tinh giảm biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp làm cho bộ máy gọn nhẹ hoạt động có hiệu quả .

- Kiên quyết, kiên trì tiến hành thường xuyên lâu dài cuộc đấu tranh tham nhũng bằng những biện pháp khác nhau từ giáo dục tư tưởng, khuyến khích kinh tế. đến trừng phạt nghiêm khắc .

- Thực hiện tốt các biện pháp trên đây đòi hỏi sự nỗ lực đoàn kết nhất trí của đông đảo nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, góp phần to lớn vào việc xây dựng nhà nước ta thực sự trở thành nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân, đại diện tập trung quyền lực của nhân dân thực hiện sự nghiệp dân giàu nước

mạnh, xã hội công bằng văn minh đúng như lời Bác Hồ dạy: “ dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong ”.

**Câu 44: “ trình bày đối tượng của luật hành chính, trong các nhóm nào là cơ bản quan trọng nhất ? tại sao?”**

\* Đối tượng điều chỉnh của luật hành chính: Là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình điều hành quản lý nhà nước bao gồm 3 đối tượng:

- nhóm 1: Bao gồm những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chấp hành điều hành bao gồm:

1. Quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước cấp trên với cơ quan nhà nước cấp dưới theo hệ thống dọc .

2. Quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung với cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chuyên môn cùng cấp .

3. Quan hệ giữa cơ quan hành chính có thẩm quyền chuyên môn cấp trên với cơ quan hành chính có thẩm quyền chuyên môn cấp dưới trực tiếp .

4. Quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chuyên môn cùng cấp với nhau nhưng được pháp luật quy định cơ quan này có thẩm quyền nhất định đối với cơ quan kia. Trong quan hệ này chủ thể quản lý thường là cơ quan có chức năng chuyên môn tổng hợp .

5. Quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương với các đơn vị trực thuộc trung ương đóng tại địa phương đó

6. Quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các đơn vị cơ sở trực thuộc

7. Quan hệ giữa cơ quan nhà nước với các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

8. Quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức xã hội .

9. quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân người nước ngoài, người không có quốc tịch làm ăn sinh sống ở Việt Nam .

- Nhóm II: Bao gồm những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình các cơ quan xây dựng và củng cố chế độ công tác nội bộ cơ quan, nhằm ổn định về mặt tổ chức để hoàn thành chức năng và nhiệm vụ của mình .

-Nhóm III: Bao gồm những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình cá nhân, hoặc tổ chức được nhà nước trao quyền quản lý hành chính nhà nước trong một số trường hợp cụ thể do pháp luật quy định . Trong các nhóm đối tượng điều chỉnh của luật hành chính thì nhóm 1 là quan trọng cơ bản nhất vì nó là nhóm quan hệ phát sinh trong quá trình tổ chức, chỉ đạo thực hiện pháp luật. Trong quá trình chấp hành, điều hành của quản lý nhà nước đó là :

- Phạm vi những quan hệ trong nhóm này diễn ra trong nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá .

- chủ thể là cơ quan hành chính nhà nước, là chủ thể không thể thiếu được. Là chủ thể quan trọng chủ yếu, là cơ quan., cá nhân được trao quyền.

- Số lượng quan hệ diễn ra thường xuyên liên tục với số lượng lớn. Tần số lớn từng ngày, từng giờ ...Bao gồm 9 nhóm nhỏ.

**Câu 45: “*Chúng minh rằng phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là phương pháp mệnh lệnh đơn phương bắt buộc*”.**

Xuất phát từ khái niệm về luật hành chính là một ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước. Trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước và trong quá trình các cá nhân hay tổ chức được trao quyền hay tổ chức thực hiện tổ chức quản lý hành chính nhà nước đối với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định. Mấy khác phương pháp điều chỉnh của một ngành luật nói chung là cách thức tác động của ngành luật ấy nên đối tượng của nó. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật hành chính là cách thức mà luật hành chính tác động đến các nhóm đối tượng của luật hành chính.

Vậy thực tiễn nhất phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là do xuất phát từ việc thực hiện chấp hành, điều hành nên phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là mệnh lệnh, đơn phương được hình thành từ quan hệ “ Quyền lực-phục tùng ” giữa một bên có quyền nhân danh nhà nước ra những mệnh lệnh bắt buộc thi hành đối với một bên có nghĩa vụ, phục tùng các mệnh lệnh đó. Chính quan hệ này đã thể hiện sự bất bình đẳng giữa các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước .

Những biểu hiện sau đây làm sáng tỏ thêm phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là phương pháp bất bình đẳng về ý chí :

- chủ thể quản lý có quyền nhân danh nhà nước để áp đặt ý chí của mình nên đối tượng quản lý. Các quan hệ này rất đa dạng nên việc áp đặt ý chí của chủ thể quản lý nên đối tượng quản lý cũng được thực hiện trong nhiều trường hợp khác :

+ Hoặc bên có thẩm quyền đơn phương ra các mệnh lệnh cụ thể hay đặt ra các quy định bắt buộc đối với bên kia và kiểm tra thực hiện chúng. phía bên kia phải thực hiện các mệnh lệnh, các quy định đó. Ví dụ : Chính phủ ra mệnh lệnh cho các cấp, các ngành phải tích cực phòng chống lụt bão trong mùa mưa bão đồng thời kiểm tra đôn đốc việc thực hiện này đối với các cấp, các ngành, Chính phủ đặt ra các quy định về xử phạt vi phạm hành chính ...Các đối tượng quản lý có liên quan phải tuân thủ và thực hiện các mệnh lệnh và những quy định đó .

+ Hoặc bên có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để đáp ứng hay bác bỏ yêu cầu, kiến nghị của đối tượng quản lý. Trong trường hợp này quyền quyết định vẫn thuộc về cơ quan có thẩm quyền, Vì vậy nếu có sự trùng hợp ý chí .Ví dụ : Công dân có quyền làm đơn yêu cầu UBND huyện cấp giấy sử dụng đất hay giấy xây dựng nhà ở ,UBND huyện có thể chấp nhận hay bác bỏ yêu cầu này của công dân.

+ Hoặc cả 2 bên đều có quyền hạn nhất định nhưng ở bên này quyết định gì phải được bên kia cho phép hay phê chuẩn cùng phối hợp quyết định. Khi đó phải có sự phối hợp giữa nhiều chủ thể nhân danh nhà nước mới thực hiện việc áp đặt ý chí đối với đối tượng quản lý. **Ví dụ** : cơ quan công an cần bắt giữ đối tượng quản lý phải có sự phối hợp đồng ý của cơ quan Viện kiểm sát, lệnh bắt phải có sự phê chuẩn của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thì mới được áp dụng .

- biểu hiện thứ hai của sự không bình đẳng còn thể hiện ở chỗ một bên có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính nhằm buộc đối tượng quản lý phải thực hiện mệnh lệnh của mình. Sự bất bình đẳng giữa các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước luôn biểu hiện rõ nét không phụ thuộc vào các quan hệ đó. Sự không bình đẳng giữa các bên là cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế, công dân và các đối tượng quản lý khác không bắt nguồn từ quan hệ tổ chức mà bắt nguồn từ quan hệ “ phục tùng ”trong các quan hệ đó cơ quan hành chính nhà nước, nhân danh nhà nước để thực hiện chức năng chấp hành - điều hành đối với đối

tượng quản lý, các đối tượng quản lý phải phục tùng ý chí của nhà nước mà người đại diện là cơ quan hành chính.

Sự bất bình đẳng giữa các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước còn thể hiện rõ nét trong tính chất đơn phương bắt buộc của các quyết định hành chính nhà nước và các chủ thể quản lý hành chính đưa vào thẩm quyền của mình trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, có quyền ra những mệnh lệnh hoặc đề ra các biện pháp cưỡng chế nhà nước. Tuy nhiên không phải bao giờ cũng là cưỡng chế mà còn dựa vào các biện pháp khác như giáo dục thuyết phục không có hiệu quả mới dùng đến cưỡng chế.

Kết luận : Phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là phương pháp mệnh lệnh đơn phương bắt nguồn từ quan hệ “ quyền lợi- phục tùng”. Phương pháp này được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản sau :

+ Xác nhận sự không bình đẳng giữa các bên tham gia quan hệ hành chính, một bên được nhân danh nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để đưa ra các bên quyết định hành chính còn bên kia phải phục tùng các quyết định đó .

+ Bên nhân danh nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước có quyền quyết định công việc một cách đơn phương xuất phát từ lợi ích chung của nhà nước, của xã hội trong phạm vi quyền hạn của mình để chấp hành pháp luật.

+ Quyết định đơn phương của bên sử dụng quyền lực nhà nước có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với bên hữu quan và được bảo đảm bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước.

***Câu 46: có phải trong mọi trường hợp 2 cơ quan hành chính nhà nước ngang cấp có cùng địa vị pháp lý đều phát sinh quan hệ pháp luật hành chính hay không?***

Như chúng ta đã biết quan hệ pháp luật hành chính là những quan hệ xã hội pháp sinh trong lĩnh vực chấp hành điều hành ,được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật hành chính giữa các chủ thể mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính .

Căn cứ vào khái niệm này ta thấy không phải mọi trường hợp giữa 2 cơ

***Ví dụ:*** Giữa 2 UBND cùng cấp như UBND xã X và UBND xã Y là 2 cơ quan hành chính nhà nước ngang cấp có cùng địa vị pháp lý

cũng phát sinh quan hệ pháp luật hành chính hành chính cùng cấp nhưng không xảy ra quan hệ pháp luật hành chính với nhau vì đây không gắn với hoạt động chấp hành, điều hành hoặc giữa UBND tỉnh Lạng Sơn với UBND tỉnh Long Hải cũng vậy đều là cơ quan hành chính ngang cấp nhưng không phát sinh quan hệ hành chính cũng bởi vì không gắn liền với hoạt động điều hành.

Giữa bộ khoa học công nghệ Môi trường với Bộ Nội vụ Quốc phòng cũng không phải là lúc nào cũng phát sinh quan hệ pháp luật hành chính vì không gắn với hoạt động chấp hành điều hành

Giữa cơ sở đối ngoại và cơ sở nông lâm cũng không phát sinh quan hệ pháp luật hành chính bởi cũng không gắn liền với hoạt động chấp hành điều hành .

Chỉ khi nào giữa các cơ quan hành chính ngang cấp cũng có cùng địa vị pháp lý, có phối hợp với nhau gắn với hoạt động chấp hành điều hành thì mới phát sinh quan hệ pháp luật hành chính .

**Ví dụ :** Bộ tài chính với Bộ Nông nghiệp. Bộ giáo dục và đào tạo . Bộ giao thông vận tải ....Do bộ tài chính là cơ quan tổng hợp nắm giữ quyền thu chi và phân bổ ngân sách tới các bộ , cơ quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính gắn với hoạt động chấp hành điều hành chung của chính phủ nên giữa bộ tài chính và các bộ khác sẽ thường phát sinh quan hệ pháp luật hành chính .

Giữa Bộ kế hoạch và đầu tư với các Bộ khác của chính phủ, do là bộ có chức năng tổng hợp là hàng năm đều xét duyệt các chi tiêu phân bổ với các Bộ khác nên gắn liền với quyền và nghĩa vụ của các bộ liên quan đến hoạt động chấp hành điều hành chính phủ nên sẽ phát sinh quan hệ pháp luật hành chính

**Ví dụ:** Giữa 2 UBND cùng cấp như UBND xã X và UBND xã y là 2 cơ quan hành chính cùng cấp nhưng không xảy ra quan hệ pháp luật hành chính vì ở đây không gắn liền với hoạt động chấp hành điều hành hoặc giữa UBND tỉnh Lạng sơn với UBND tỉnh Minh Hải cũng vậy đều là cơ quan hành chính ngang cấp nhưng không phát sinh quan hệ pháp luật hành chính vì không gắn với hoạt động chấp hành điều hành.

Giữa Bộ khoa học công nghệ và Môi trường với Bộ nội vụ, Bộ Quốc phòng cũng không phải lúc nào cũng phát sinh quan hệ pháp luật hành chính vì không gắn với hoạt động chấp hành điều hành



Giữa Sở đối ngoại và Sở Nông Lâm cũng không phát sinh quan hệ pháp luật hành chính bởi cũng không gắn với hoạt động chấp hành điều hành .

Chỉ khi nào giữa các cơ quan hành chính ngang cấp có quyền địa vị pháp lý, có phối hợp với nhau gắn với hoạt động chấp hành điều hành thì mới phát sinh quan hệ pháp luật hành chính .

ví dụ : Bộ tài chính với Bộ nông nghiệp, Bộ giáo dục và Đào tạo. Bộ giao thông vận tải ...Do Bộ tài chính là cơ quan tổng hợp nắm giữ quyền thu chi và phân bổ ngân sách tới các bộ, các cơ quan khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính gắn với hoạt động chấp hành điều hành chung của chính phủ nên giữa bộ tài chính và các bộ khác thường phát sinh quan hệ pháp luật hành chính.

Hoặc giữa Bộ kế hoạch và đầu tư với các bộ khác của chính phủ . Đó là Bộ có chức năng tổng hợp là hàng năm đều xét duyệt các chỉ tiêu phân bổ tới các bộ khác nên gắn liền vì quyền và nghĩa vụ của các bộ liên quan đến hoạt động chấp hành điều hành của chính phủ nên sẽ phát sinh quan hệ pháp luật hành chính .

***Câu 47: “ Hãy phân tích các yêu cầu của việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính trong xử phạt vi phạm hành chính”.***

Để vào phân tích các yêu cầu của việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính trong xử phạt vi phạm hành chính trước hết chúng ta cần phải biết rằng: Quy phạm pháp luật hành chính là những nguyên tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chấp hành điều hành, có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng có liên quan và được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước .

Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính là việc cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật hiện hành để giải quyết các công việc cụ thể pháp sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính khác với việc chấp hành quy phạm pháp luật hành chính, Hoạt động áp dụng quy phạm pháp luật hành chính thường là sự kiện pháp lý làm phát sinh thay đổi hay chấm dứt một quan hệ pháp luật hành chính cụ thể vì vậy hoạt động áp dụng quy phạm pháp luật hành chính đòi hỏi tuân theo những yêu cầu sau:

1/ Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải đúng với nội dung và mục đích của quy phạm pháp luật hành chính. Bởi vì nếu áp dụng sai nội dung thì hoạt động đó trái với pháp luật. Nếu chỉ quan tâm đến nội dung mà không chú ý đến mục đích của chúng thì khi áp dụng sẽ không đạt được hiệu quả mong muốn. Không mở rộng được dân chủ, không kích thích được tính sáng tạo của quần chúng nhân dân. không góp phần tích cực vào việc nâng cao ý thức pháp luật XHCN ví dụ: Khi áp dụng các quy phạm pháp luật hành chính về xử phạt hành chính để xử lý đối với người vi phạm thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải cân nhắc lựa chọn hình thức xử phạt phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Nếu chỉ chú trọng sử dụng hình phạt trên ( thậm chí mức cao) đối với mọi hành vi vi phạm hành chính thì việc sử lý không đạt được, mục đích của pháp luật nước ta là giúp dục và cảm hoá chứ không phải là trừng trị người vi phạm .

2/ áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền. Thẩm quyền này được quy định trong những văn bản pháp luật khác nhau đối với từng công việc cụ thể. Do vậy chỉ có các cơ quan có thẩm quyền mới được áp dụng luật. Nếu việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính được thực hiện bởi một chủ thể không có thẩm quyền thì việc áp dụng đó không có hiệu lực thi hành và người áp dụng phải chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước **Ví dụ:** Người không có thẩm quyền ra quyết định về giải quyết đơn tố cáo của công dân. Quyết định này không có hiệu lực kể từ khi ban hành và người đưa ra quyết định này phải chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước .

3/ áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định. Đối với mỗi công việc cụ thể phát sinh trong quản lý hành chính nhà nước, pháp luật hành chính đều đã quy định các thủ tục cần thiết cho quá trình áp dụng pháp luật. Nếu vi phạm vào các quy định về các thủ tục đó các cơ quan có thẩm quyền khó có thể giải quyết một cách đúng đắn trong các công việc đã phát sinh . **Ví dụ :** Để giúp các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân một cách đúng đắn và nhanh chóng. Pháp lệnh khiếu nại tố cáo của công dân đã quy định cụ thể về thủ tục nhận đơn, trả lời người có đơn .

4/ áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải được nhanh chóng trong thời hạn pháp luật quy định và trả lại công khai chính thức

kết quả giải quyết cho các đối tượng có liên quan. Qut định thời gian cần thiết cho việc giải quyết cho từng công việc cụ thể. Nhà nước buộc cơ quan có thẩm quyền cho việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính, phải nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của các cơ quan đó nhằm bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan. Việc trả lời công khai, chính thức bằng văn bản nhằm mục đích hạn chế những tùy tiện cũng như chống vi phạm trong quá trình áp dụng quy phạm pháp luật hành chính giúp cho nhân dân có thể tham gia rộng rãi vào việc giám sát hoạt động bộ máy nhà nước .

5/ Kết quả áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải được đảm bảo thực hiện trong thực tế nếu không hoạt động áp dụng quy phạm pháp luật hành chính sẽ trở thành vô nghĩa và làm giảm lòng tin của nhân dân đối với nhà nước .cần phải sử dụng nhiều biện pháp và phương tiện khác nhau kể cả bộ máy cưỡng chế để bắt buộc các đối tượng có liên quan phải thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hành chính, như vậy pháp luật mới thực hiện triệt để được , tôn trọng và tăng cường được pháp chế XHCN .

**Câu 48: “ Có phải mọi quan hệ pháp luật cơ quan hành chính nhà nước tham gia đều phải là quan hệ pháp luật hành chính ?hay không ” .**

Như đã biết quan hệ pháp luật hành chính là những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chấp hành điều hành được điều chỉnh các quy phạm pháp luật hành chính giữa những chủ thể mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.

Vì vậy không nhất thiết cứ mọi quan hệ pháp luật có cơ quan hành chính nhà nước tham gia đều là quan hệ pháp luật hành chính.

Mặt khác để xem xét mỗi quan hệ đó phải là mối quan hệ hành chính ta căn cứ vào làm cơ sở để làm phát sinh, chấm dứt đó là sự tham gia của qyt phạm pháp luật hành chính và sự kiện pháp lý hành chính, đó là những sự kiện thực tế mà khi xảy ra pháp luật hành chính với việc pháp sinh các quyền và nhiệm vụ pháp lý hành chính

Do đó ta có thể rút ra trong mỗi quan hệ pháp luật khi có sự tham gia của cơ quan hành chính nhà nước, nếu không có dấu hiệu tham gia của quy phạm pháp luật hành chính và sự kiện pháp lý hành chính đồng thời không đặt đến khách thể của trật tự quản lý hành chính nhà nước thì quan hệ đó không phải là quan hệ pháp luật hành chính.

**Ví dụ** : A ký hợp đồng lao động với thủ trưởng cơ quan hành chính X trong mối quan hệ này cũng là mối quan hệ pháp luật nhưng không là mối quan hệ pháp luật hành chính.

**Câu 49:** “ **Mỗi công dân đủ 18 tuổi trở lên đều là chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính, mệnh đề trên đúng hay sai? Tại sao** ”

Mệnh đề trên là không đúng. Như ta đã biết. Chủ thể của quan hệ hành chính là những bên tham gia vào pháp luật hành chính có năng lực chủ thể, mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật .

Chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính có thể là cá nhân hay tổ chức. Nếu là cá nhân có thể là công dân Việt Nam , người nước ngoài, người không quốc tịch. Nếu là tổ chức có thể là cơ quan nhà nước. Các tổ chức xã hội tổ chức kinh tế của Việt Nam và người nước ngoài .

Cá nhân tổ chức muốn trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính phải có năng lực chủ thể. Mà năng lực chủ thể bao gồm:

Năng lực pháp lý hành chính

Năng lực hành vi hành chính

Năng lực pháp lý hành chính mà khả năng pháp luật hành chính quy định cho cá nhân tổ chức có thể được hưởng hoặc phải làm những nghĩa vụ nhất định trong quản lý hành chính nhà nước.

\* năng lực hành vi hành chính là khả năng của mọi người được nhà nước thừa nhận mà với khả năng này người đó có thể bằng hành vi của mình gánh vác nghĩa vụ và hưởng các quyền hành chính một cách độc lập.

Từ đó ta có thể rút ra mọi công dân có năng lực chủ thể thì có thể trở thành chủ thể .

**Câu 50:** **Phân tích đặc trưng của quan hệ pháp luật hành chính sau: “Trong quan hệ pháp luật hành chính, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia bao giờ cũng gắn với hoạt động chấp hành và điều hành”** .

Ở đây trước khi đi vào phân tích đặc trưng này chúng ta đã nghiên cứu và biết :

\* Quan hệ pháp luật hành chính là những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực phát hành điều hành được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật hành chính giữa những chủ thể mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật.

\* Lĩnh vực chấp hành điều hành chính là biểu hiện của hoạt động quản lý hành chính nhà nước

- Chấp hành là việc làm đúng các yêu cầu của luật pháp thể hiện ở chỗ quản lý hành chính nhà nước hoạt động của pháp luật vào thực tiễn quản lý nhà nước thực hiện của các mệnh lệnh của cơ quan dân cư.

- Điều hành là việc chỉ đạo đối tượng thuộc quyền trong quá trình quản lý

- Trong lĩnh vực chấp hành điều hành vai trò của chủ thể vô cùng quan trọng bao giờ cũng có : chủ thể bắt buộc và chủ thể thường ( tức là đối tượng của hành chính nhà nước)

- Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính luôn gắn với hoạt động chấp hành điều hành của nhà nước tức là chúng chỉ phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước trên mọi lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, kinh tế.....mà không phát sinh trong lĩnh vực lập pháp hay tư pháp . Do vậy thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ này sẽ góp phần tích cực trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong một số quan hệ pháp luật khác nhau như quan hệ pháp luật khác nhau như quan hệ đất đai, tài chính ngân hàng ...

- Quyền và nghĩa vụ cũng là nội dung của quan hệ pháp luật hành chính trong việc chấp hành điều hành giữa các chủ thể tham gia

- Một bên có quyền nhân danh nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước đơn phương bắt buộc bên kia phải phục tùng ý chí của mình.

- một bên có quyền yêu cầu kiến nghị bên xác lập quan hệ pháp luật hành chính .

Do đó quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia không nằm trong lĩnh vực chấp hành điều hành không phải là quan hệ pháp luật hành chính.

**Câu 51: Phân tích nguyên tắc tập trung dân chủ ? Tại sao biểu hiện phụ thuộc hai chiều chỉ có cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ?**

Dưới góc độ pháp lý nguyên tắc là những tư tưởng chỉ đạo bắt nguồn từ bản chất của chế độ được quy định trong pháp luật tạo thành cơ sở cho việc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và trong các khâu của quá trình quản lý nhà nước

Những nguyên tắc pháp lý nói chung và nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước nói riêng chủ yếu do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nó mang tính khoa học ổn định. Những nguyên tắc này được xây dựng và được rút ra từ cuộc sống trên cơ sở nghiên cứu những quy luật khách quan và cơ bản của đời sống xã hội do đó nó phản ánh sâu sắc những quy luật phát triển khách quan đó .

Những nguyên tắc cơ bản không phải là những nguyên tắc đó mà nó bất di bất dịch. Trái lại sự vận dụng các nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước gắn liền quá trình phát triển của xã hội, những nguyên tắc sẽ được sửa đổi bổ xung cho phù hợp quy luật phát triển . Một trong những nguyên tắc cơ bản về quản lý hành chính nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là một nguyên tắc hiến định. Hiến pháp 1992- điều 6 ghi nhận “Quốc hội HĐND các cấp các cơ quan khác của nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ ” nguyên tắc này bao hàm kết hợp giữa 2 yếu tố :

- tập trung là thu tóm quyền lực nhà nước và chủ thể quản lý điều hành, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật. Tập trung ở đây không phải tập trung toàn diện và tuyệt đối mà chỉ đối với những vấn đề cơ bản nhất, chính yếu nhất và bản chất nhất. Sự tập trung đó bảo đảm cho cấp dưới và đối tượng khác có khả năng thực hiện quyết định của trung ương căn cứ vào điều kiện thực tế của mình như là: Nhân lực. điều kiện thiên nhiên, khoáng sản, các tiềm năng khác. Đồng thời phát huy quyền chủ động sáng tạo của địa phương và của cơ sở đó trong việc giải quyết những vấn đề này .

- Dân chủ là việc mở rộng quyền cho đối tượng quản lý nhằm phát huy trí tuệ tập thể vào hoạt động quản lý, phát huy hết khả năng tiềm tàng của đối tượng quản lý trong quá trình thực hiện pháp luật, thực hiện mệnh lệnh của cấp trên.

- Nếu chỉ có sự lãnh đạo tập trung mà không mở rộng dân chủ thì sẽ tạo điều kiện cho các hành vi vi phạm quyền công dân, cho các tệ quan liêu tham nhũng, hách dịch của quyền phát triển. Không có sự lãnh đạo tập trung thống nhất, sự phát triển của xã hội sẽ trở thành tự phát, lực lượng dân chủ sẽ bị phân tán không đủ sức để chống lại các thế lực phản động , phản dân chủ. Tập trung và dân chủ là 2 yếu tố có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, có mối quan hệ qua lại phụ thuộc và thúc đẩy nhau cùng phát triển trong quản lý hành chính nhà nước.

Sự lãnh đạo tập trung trên cơ sở mở rộng dân chủ là một yêu cầu khách quan của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN”.

Các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc phụ thuộc 2 chiều( chiều dọc và chiều ngang). Mỗi phụ thuộc dọc giúp cho cấp trên có thể tập trung quyền lực nhà nước để chỉ đạo thực hiện với cấp dưới tạo nên một hoạt động chung thống nhất. Mỗi phụ thuộc dọc giúp cho cấp trên có thể tập trung quyền lực nhà nước để chỉ đạo thực hiện với cấp dưới tạo nên một hoạt động chung nhất. Mỗi phụ thuộc ngang tạo điều kiện cho cấp dưới có thể mở rộng dân chủ, phát huy thế mạnh của địa phương để hoàn thành nhiệm vụ cấp mà cấp trên giao phó .

Sự phụ thuộc 2 chiều của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là khách quan bảo đảm thống nhất giữa lợi ích chung của cả nước với lợi ích của địa phương, giữa lợi ích ngành với lợi ích vùng lãnh thổ.

***Câu 52: Tại sao hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật hành chính là hình thức cơ bản của hành chính nhà nước, hoạt động ban hành văn bản áp dụng là chủ yếu của quản lý hành chính nhà nước.***

Có nhiều hình thức quản lý hành chính nhà nước như hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hình thức ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật hành chính ...

\* Hoạt động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hành chính là hình thức cơ bản và phổ biến, hình thức này quan trọng nhất mang tính chất pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm để cụ thể hoá, chi tiết hoá những điều đã được quy định trong các văn bản của pháp luật của các cơ quan quyền lực nhà nước. Bởi vì các cơ quan quyền lực nhà nước với các văn bản của mình thường chỉ quy định vấn đề có tính chất cơ bản chung nhất chứ không quy định cụ thể và chi tiết

Việc các cơ quan hành chính nhà nước có hình thức ban hành ra các văn bản quy phạm pháp luật hành chính nhằm thực hiện chức năng quản lý hành chính trên mọi lĩnh vực trên mọi đời sống xã hội. Vì vậy các văn bản quy phạm pháp luật hành chính được ban hành ra để áp dụng trong thời gian dài, áp dụng nhiều lần với các đối tượng có

liên quan. Các văn bản này trong đó quy định quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ hoặc quyền quy định việc tổ chức hoạt động ...

Ta có thể lấy ví dụ sau để làm sáng tỏ: can cứ vào các văn bản của Quốc hội và UBTVQH( Nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính của UBTVQH). chính phủ đã ban hành ra nghị định 36, nghị định 49 về việc lập lại an toàn giao thông đường bộ, trật tự an toàn giao thông đô thị đồng thời phải xử lý đối với các đối tượng vi phạm trong lĩnh vực này .

Hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước còn gọi là hoạt động xây dựng pháp luật, hoạt động lập quy. Thông qua hoạt động đó các cơ quan hành chính nhà nước quy định về nhiều vấn đề như: Nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước, những thủ tục cần thiết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được ban hành các văn bản quy phạm pháp luật , và hoạt động cơ bản và phổ biến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

\* Hoạt động ban hành bản bản áp dụng quy phạm pháp luật hành chính cũng là một hoạt động chủ yếu của cơ quan hành chính nhà nước. Là một hình thức quản lý rất quan trọng không thể thiếu được. Bởi vì đây là những hình thức hoạt động được tiến hành thường xuyên liên tục bất kỳ ở đâu khi có hoạt động quản lý hành chính của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước có ban hành ra các văn bản áp dụng các quy phạm pháp luật hành chính như: Quyết định đề bạt, quyết định bổ nhiệm, chuyển, bãi miễn ... Những văn bản áp dụng này chỉ áp dụng trong một lần trong trường hợp cụ thể và đối với đối tượng cụ thể nhất định. Đây là áp dụng quy phạm pháp luật hành chính là hoạt động chủ yếu của các cơ quan hành chính nhà nước trong quản lý hành chính.

### **Câu 53: Mối quan hệ giữa thuyết phục và cưỡng chế.**

Trước khi vào phân tích mối quan hệ và thuyết phục và cưỡng chế ta cần biết rằng:

\* Phương pháp thuyết phục giáo dục cảm hoá là một trong những phương pháp quản lý quan trọng nhất đem lại hiệu quả cao nhất. Phương pháp này thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN, thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta. Thuyết phục bao gồm một số những biện pháp như giải thích, hướng dẫn, động viên, khuyến khích,



trình bày chứng minh để đảm bảo sự cộng tác, tuân thủ hay phục tùng tự giác của đối tượng quản lý nhằm đạt được một số kết quả nhất định

Thuyết phục tuy không mang tính bắt buộc cứng rắn nhưng phương pháp này lại mang tính chất pháp lý vì nó được quy định trong pháp luật được thực hiện bởi chủ thể mang tính quyền lực nhà nước và được tiến hành trong khuôn khổ pháp luật.

\* Phương pháp cưỡng chế là biện pháp bắt buộc bằng bạo lực của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với một cá nhân hay tổ chức nhất định về mặt vật chất hay tinh thần nhằm buộc cá nhân hay tổ chức đó thực hiện những hành vi nhất định do pháp luật quy định đối với tài sản cá nhân hay tổ chức hoạt động tự do thân thể của các cá nhân đó. Đây là phương pháp không thể thiếu được chỉ áp dụng khi biện pháp giáo dục cảm hoá không đem lại hiệu quả chỉ áp dụng đối với những kẻ chống đối lại đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thông qua 4 loại cưỡng chế : 1 cưỡng chế hình sự 2 cưỡng chế dân sự 3 cưỡng chế kỷ luật 4 cưỡng chế hành chính.

\* Giữa thuyết phục giáo dục cảm hoá với cưỡng chế có mối quan hệ gắn bó:

- Để đảm bảo việc thực thi pháp luật đúng đắn, hợp lý ,có hiệu quả tùy trong từng trường hợp cụ thể có thể áp dụng trước hoặc sau. không phải lúc nào cũng coi trọng biện pháp này mà coi lơ là biện pháp kia.

- Để hoạt động đem lại hiệu quả cần phải chú ý đúng mức sự kết hợp giữa cưỡng chế và thuyết phục .

+ Nếu không có cưỡng chế nhà nước thì kỷ luật nhà nước sẽ bị lung lay, pháp chế XHCN không được tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho tệ nạn xã hội phát triển, kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc hoạt động chống phá cách mạng .

+ nếu không có thuyết phục thì hoạt động quản lý nhà nước cũng kém hiệu quả, không động viên được sự tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân, không nâng cao được ý thức pháp luật và tinh thần tự chủ, không đảm bảo tính chất mềm dẻo thực hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc, sẽ làm thay đổi bản chất của nhà nước .

- Nếu chỉ chú trọng cưỡng chế nhà nước sẽ trở thành nhà nước bạo lực, nhà nước của cảnh sát .

- Do vậy cần phải kết hợp chặt chẽ hài hoà giữa 2 phương pháp quản lý và cần phải :

+So sánh mối tương quan giai cấp, tương quan lực lượng .

+ Phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để thuyết phục trước rồi cưỡng chế sau .

### **Câu 54: “ Phân biệt cưỡng chế hành chính và trách nhiệm hành chính ”**

Để phân biệt trước hết chúng ta cần làm rõ nội dung đặc điểm của khái niệm này .

\* Cưỡng chế hành chính là gì? Cưỡng chế hành chính là biện pháp cưỡng chế nhà nước do cơ quan hành chính nhà nước cả trong những trường hợp nhất định thì do toà án nhân dân quyết định đối với tổ chức hay cá nhân có hành vi vi phạm hành chính hoặc hay đối với một số cá nhân hay tổ chức nhất định nhằm ngăn ngừa những vi phạm có thể xảy ra hay ngăn chặn những thiệt hại do thiên tai, dịch hoạ gây ra. Trình tự để áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính cũng phải tuân theo luật. Các biện pháp cưỡng chế hành chính có 3 nhóm

Nhóm xử phạt hành chính.

Nhóm các biện pháp ngăn chặn hành chính .

Nhóm các biện pháp phòng ngừa hành chính.

\*Trách nhiệm hành chính là gì : Trách nhiệm hành chính là hậu quả mà cá nhân hay tổ chức vi phạm hành chính phải gánh chịu trước nhà nước áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính tức là nhà nước áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính phù hợp để giáo dục cá nhân hay tổ chức vi phạm hành chính đồng thời giáo dục phòng ngừa đối với cá nhân hay tổ chức khác góp phần bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

### **Câu 55: Phân biệt xử phạt hành chính và biện pháp ngăn chặn hành chính**

Trong cưỡng chế hành chính thì biện pháp xử phạt hành chính và biện pháp ngăn chặn hành chính là 2 biện pháp thường được áp dụng nhiều nhất. Tuy đều nằm trong phương pháp quản lý hành chính cơ bản của nhà nước nhưng giữa 2 phương pháp này có ngừng điểm khác nhau rõ rệt về mức độ cũng như nội dung của nó

**\*Biện pháp xử phạt hành chính**

- Khái niệm: Xử phạt hành chính là biện pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức: Có hành vi vi phạm hành chính nhằm truy cứu trách nhiệm hành chính đối với cá nhân hay tổ chức vi phạm hành chính .

Cơ sở xử phạt hành chính: có vi phạm hành chính xảy ra.

- Nội dung; các biện pháp xử phạt hành chính :

+ phạt chính : cảnh cáo, Phạt tiền

+ Phạt bổ sung: tịch thu tang vật phương tiện vi phạm.

Tước quyền sử dụng giấy phép .

+ Biện pháp khác: Buộc tháo dỡ khôi phục tình trạng ban đầu .

Các biện pháp này được quy định cụ thể tại điều 1,13,14,15,của pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính.

- chủ thể có thẩm quyền được quy định trong điều 26 đến điều 37 của pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính .

-Trình tự thủ tục: thông qua ban hành quyết định xử phạt

Mục đích: trừng phạt đối với vi phạm giáo dục từng người khác

**\*Biện pháp ngăn chặn hành chính.**

-Khái niệm: Ngăn chặn hành chính cũng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức có thể: Có vi phạm hoặc không có vi phạm hành chính nhằm ngăn chặn vi phạm hành chính có thể xảy ra.

Cơ sở ngăn chặn hành chính hoặc cũng có thể không vi phạm hành chính, trước khi có vi phạm hoặc vi phạm đang xảy ra.

- Nội dung bao gồm các biện pháp hành chính khác và các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính quy định trong điều 12 và điều 22 pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính có 13 biện pháp có 5 biện pháp tạm giữ người, phương tiện tang vật, khám người, khám nơi ở giữ tang vật phương tiện vi phạm .

Chủ thể: Quy định trong điều 40 pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính .

- Trình tự thủ tục: Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có các quyền quyết định phù hợp

Mục đích : Ngăn chặn vi phạm hành chính xảy ra khắc phục thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra

**Câu 56: “Phân biệt văn bản quản lý hành chính với văn bản là nguồn của luật hành chính”.**

Hình thức ban hành các văn bản quản lý hành chính nhà nước là hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Thông qua hoạt động này các chủ thể có thẩm quyền có thể đặt ra các quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực chấp hành điều hành trên mọi mặt của đời sống xã hội. Cũng có thể giải quyết những vấn đề cụ thể riêng biệt đối với đối tượng quản lý nhất định. Chúng ta cũng cần phân biệt rõ những văn bản quản lý hành chính với văn bản được coi là nguồn của luật hành chính.

**Văn bản coi là nguồn của luật hành chính**

- Khái niệm: là những văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục trình tự nhất định có nội dung chứa đựng các quy phạm pháp luật hành chính. Có hiệu quả bắt buộc thi hành, đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước.

- Chủ thể ban hành :

+ Các cơ quan quyền lực nhà nước

+ Các cơ quan nhà nước khác như toà án, Viện kiểm sát hoặc thủ trưởng các cơ quan xét xử, kiểm sát thủ trưởng các đơn vị cơ sở (ban hành quy định nội quy)

+ Các cá nhân có thẩm quyền như chủ tịch nước

+ Chủ thể ở đây rộng hơn

- Nội dung: Chỉ chứa đựng quản lý hành chính nhà nước

- Hình thức văn bản : có thể là văn bản luật hoặc dưới luật (nghị định, chỉ thị).

**Văn bản quản lý hành chính**

- Khái niệm: Văn bản quản lý hành chính nhà nước là các văn bản dưới luật ban hành trên cơ sở và để chấp hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh và nghị quyết của các cơ quan quyền lực nhà nước.

Chủ thể ban hành :

+ Các cơ quan quyền lực nhà nước.

+ các cá nhân có thẩm quyền như trưởng máy bay, tàu biển, thẩm phán ra quyết định, thủ trưởng, cơ quan toà án, kiểm sát, thủ trưởng các đơn vị cơ sở.

+ Chủ thể hẹp hơn.

- Nội dung: Chứa đựng quản lý pháp lý hành chính và các mệnh lệnh cụ thể.

Ví dụ: Nghị định chính phủ, văn bản cấp đất, cấp nhà.

- Hình thức văn bản: bao giờ cũng là văn bản dưới luật từ nghị định trở xuống ( để cụ thể hoá, chi tiết hoá các văn bản của cơ quan

- trình tự ban hành: Theo hình thức nhất định.

quyền lực).

- Trình tự thủ tục ban hành: Tùy theo từng trường hợp cụ thể nhưng không trái với luật.

**Câu 57: “Phân biệt viên chức là công chức với viên chức không phải là công chức. Việc phân biệt có ý nghĩa gì? cũng một vi phạm thì viên chức nhà nước chịu nhiều nhất là mấy trách nhiệm pháp lý”**

Để phân biệt viên chức là công chức với viên chức không phải là công chức ta cần căn cứ vào định nghĩa (Khái niệm) và căn cứ vào đặc điểm riêng, tính chất công việc theo bảng so sánh sau:

**\*Viên chức không phải là công chức**

**\*Viên chức là công chức**

- Định nghĩa: Viên chức nhà nước là người lao động làm trong các cơ quan nhà nước do được bầu hoặc bổ nhiệm hay tuyển dụng giữ một chức vụ nhất định hoặc bằng hoạt động của mình góp phần vào việc thực hiện một chức vụ nhất định hoặc trả lương theo chức vụ hoặc hoạt động đó,

- Công việc được bầu theo nhiệm kỳ .

- Đối tượng sau đây mới gọi là viên chức không phải là viên chức  
+ Sĩ quan, hạ sĩ quan trong quân đội, bộ đội biên phòng .

+ Là người giữ chức vụ trong cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử được bầu hoặc cử theo nhiệm kỳ  
+ là người làm việc trong các đơn vị cơ sở thuộc bộ máy quản lý bộ máy hành chính nhà nước .

- viên chức nhà nước không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất nhưng bằng hoạt động của mình họ bảo đảm việc lãnh đạo kiểm tra quá trình đó. Xác định phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất . thực hiện biện pháp có tổ chức .

- Hoạt động của họ tạo điều kiện

- Định nghĩa: công chức nhà nước là công dân Việt Nam được bổ nhiệm hoặc tuyển dụng giữ một công việc thường xuyên trong công sở nhà nước ở trung ương hay địa phương, ở trong nước hay ngoài nước được xếp vào ngạch bậc và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Công việc của viên chức là công chức bao giờ cũng thường xuyên.

- Đối tượng sau đây được gọi là công chức.

+ là người làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, tỉnh, huyện và cấp tương đương.

+ Là người làm việc trong cơ quan đại diện sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài .

+ Những người làm việc trong trường học, viện nghiên cứu, ở đài phát thanh. đài truyền hình, cơ quan báo chí được hưởng lương từ ngân sách.

+ Các nhân viên dân sự làm việc trong cơ quan bộ quốc phòng .

+ Những người được tuyển dụng bổ nhiệm để giữ một công việc thường xuyên trong cơ quan kiểm sát, xét xử .

+ Những người được tuyển dụng bổ nhiệm để giữ một công việc thường xuyên trong bộ máy nhà nước như: Văn phòng Quốc Hội .UBTVQH. HĐND các cấp và ngừng người khác theo quy

hoặc trực tiếp làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quan hệ cụ thể.

định của pháp luật .

- Hoạt động của họ gián tiếp làm phát sinh., thay đổi hay chấm dứt các quan hệ pháp luật cụ thể.

\* việc phân biệt giữa viên chức là công chức với viên chức không phải là công chức có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn trong việc tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước ta. Giúp cho các cơ quan chức năng có thể:

- xây dựng và tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ .
- áp dụng chế độ đúng và chính xác đối với đội ngũ công chức .
- Tạo điều kiện cho công cuộc cải cách hành chính, thúc đẩy công việc đổi mới của đất nước,

\* Cũng một vi phạm thì viên chức nhà nước chịu nhiều nhất là 4 trách nhiệm là:

- Trách nhiệm hình sự
- Trách nhiệm dân sự .
- Trách nhiệm kỷ luật .
- Trách nhiệm hành chính.

Tương ứng với mỗi loại trách nhiệm là các hình thức cưỡng chế để truy cứu trách nhiệm

Qua đây ta thấy nếu viên chức nhà nước vi phạm pháp luật có thể chịu nhiều nhất 3 loại trách nhiệm : hình sự , dân sự , kỷ luật .

**Câu 58: “trình bày các trường hợp công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, lấy ví dụ minh họa”**

Hiến pháp 1992 điều 49 ghi nhận “Công dân nước CHXHCNViệt Nam ” ở nước ta công dân có quyền về chính trị .Quyền công dân được quy định khá cụ thể và thực hiện đầy đủ vì người dân lao động là người chủ lực của đất nước, có mối quan hệ khá khăng khít bền vững với nhà nước. Công dân được thực hiện, sử dụng các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia vào các quan hệ pháp luật cụ thể trong đó có quan hệ pháp luật hành chính.Mối quan hệ này được hình thành trong các trường hợp tham gia sau đây:

a. khi công dân sử dụng quyền:

Ví dụ : khi công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, làm đơn xin cấp giấy phép kinh doanh gửi UBND quận , huyện- cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.

b. khi công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ :

Ví dụ: Việc công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc sẽ làm phát sinh quan hệ pháp luật hành chính giữa công dân đó và cơ quan quân sự cấp quận huyện .

c. Khi quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị xâm phạm,họ đòi hỏi nhà nước phải bảo vệ và phục hồi những quyền đó .

ví dụ : khi có hành vi trái pháp luật mọi công chức xâm phạm tới quyền được hưởng tới quyền chế độ bảo hiểm của công dân, công dân có đơn khiếu nại gửi thủ trưởng trực tiếp của viên chức đó. Đã làm phát sinh mối quan hệ pháp luật hành chính giữa công dân có đơn khiếu nại với cán bộ nhà nước có thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại .

d. Khi công dân không thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước ;

ví dụ : Công dân, buôn bán theo pháp luật không nộp thuế kinh doanh làm phát sinh quan hệ pháp luật hành chính giữa dân đó với UBND quận, huyện hoặc phòng thuế trực thuộc .

Tóm lại muốn tham gia vào các quan hệ pháp luật hành chính công dân phải có năng lực chủ thể (năng lực pháp lý hành chính và năng lực hành vi hành chính). Nhà nước quy định năng lực chủ thể của công dân trong quan hệ pháp luật hành chính thể hiện sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ của công dân . Việc bảo đảm thực hiện quyền, bảo đảm nghĩa vụ đều quan trọng như nhau. Nhà nước quy định những bảo đảm về chính trị, vật chất, tổ chức pháp lý cần thiết



để công dân có thể tham gia đông đảo và đầy đủ vào quản lý nhà nước nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân .

**Câu 59:** “**A ở độ tuổi vị thành niên thực hiện vi phạm hành chính ”hỏi.**

**Nêu những trường hợp A bị truy cứu trách nhiệm hành chính,**

**a. Những trường hợp a không bị truy cứu trách nhiệm hành chính.**

a. A bị truy cứu trách nhiệm hành chính trong các trường hợp sau:

- Khi A đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và tinh thần, thể chất phát triển bình thường, thực hiện vi phạm hành chính với lỗi cố ý.

- khi A từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, tinh thần thể chất phát triển bình thường phải chịu trách nhiệm hành chính kể cả có lỗi cố ý và vô ý khi thực hiện vi phạm hành chính.

- khi A vi phạm hành chính không nằm trong các trường hợp miễn truy cứu trách nhiệm hành chính như tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng.....xảy ra .

b. Khi A không bị truy cứu trách nhiệm hành chính :

- Khi chưa đủ 14 tuổi.

- Khi chưa đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nhưng thực hiện vi phạm hành chính với lỗi vô ý .

- Khi A đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng việc vi phạm hành chính với lỗi vô ý .

- Khi A đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện vi phạm hành chính trong trường hợp miễn truy cứu ttrách nhiệm hành chính như : Tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng ....

**Câu 60:** “Điều kiện để truy cứu trách nhiệm hành chính đối với công dân”

Đối với công dân đã thành niên (từ đủ 18 tuổi trở lên) bị truy cứu trách nhiệm hành chính khi họ thực hiện hành vi vi phạm hành chính với điều kiện sau:

- Không mắc bệnh tâm thần, không bị rối loạn thần kinh, không bị một bệnh nào mất khả năng điều khiển hành vi .

- Hành vi vi phạm đã được quy định trong các văn bản cơ quy định về phạt vi phạm hành chính.

- Thực hiện hành vi vi phạm không thuộc các trường hợp sau : Sự kiện bất ngờ, tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hành chính.

\* Đối với người vị thành niên :

- Người từ đủ 16 tuổi đến 18 tuổi thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong những điều kiện như công dân đủ 18 tuổi trở lên .

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính với lỗi cố ý và mức phạt cao nhất chỉ đến ...đồng.

- Người chưa đủ 14 tuổi thì không bị truy cứu trách nhiệm hành chính nếu họ vi phạm hành chính thì chỉ áp dụng biện pháp giáo dục .

**Câu 61: Biểu hiện phụ thuộc 2 chiều trong tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Lấy ví dụ minh họa**

các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc phụ thuộc theo 2 chiều (Chiều dọc và chiều ngang). Mỗi phụ thuộc dọc giúp cho cấp trên có thể tập trung quyền lực nhà nước để chỉ đạo hoạt động với cấp dưới tạo nên một hoạt động chung thống nhất. Mỗi phụ thuộc ngang tạo điều kiện cần thiết cho cấp dưới có thể mở rộng dân chủ, phát huy thế mạnh của địa phương để hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao phó.

Nguyên tắc phụ thuộc 2 chiều này đảm bảo sự thống nhất giữ lợi ích chung của cả nước với lợi ích của địa phương. Giữa lợi ích ngành với lợi ích vùng lãnh thổ .

Ủy ban nhân dân thành phố Hà

Nội

**Ví dụ :** Hội đồng nhân dân Từ Liêm Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm .

**Câu 62: “Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính có tính chất bắt buộc khi xử lý vi phạm hành chính không”.**

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hay tổ chức thực hiện một cách cố ý hay vô ý xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính .

Điều 3- pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ghi rõ : Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính:

1/ Việc xử lý vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền tiến hành vi phạm đúng quy định của pháp luật .

2/ Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định .

Cá nhân chỉ bị áp dụng các biện pháp khác trong các trường hợp quy định tại điều 21,22,23,24,và 25 của pháp lệnh này.

3/ Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời cả phải bị đình chỉ ngay. Việc xử lý phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật .

4/ Mọi hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt 1 lần.

Một người khác thực hiện hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

Nhiều người cùng thực hiện 1 hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5/ Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, thân nhân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để giải quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

6/ Không xử lý vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời xử lý công minh nhanh chóng theo đúng pháp luật

Việc phát hiện xử lý kịp thời đối với các vi phạm hành chính không chỉ làm cho vi phạm đó bị chấm dứt trên thực tế mà còn có tác dụng lớn lao trong việc tác động tích cực vào ý thức của người vi phạm và của các công dân khác trong việc củng cố và uy tín của nhà nước đối với nhân dân, khi bị xử lý vi phạm phải đảm bảo sự công minh đúng pháp luật nghiêm minh khi bị xử lý không có ý nghĩa là xử phạt nặng đối với người vi phạm mà có nghĩa là bất kỳ vi phạm cũng nêu được đưa ra xử lý theo pháp luật không để lọt người vi phạm, cũng không phạt oan người không vi phạm

Một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt 1 lần: Một người thực hiện nhiều vi phạm hành chính thì bị xử phạt từng vi phạm, nhưng tổng hợp từng vi phạm, tổng hợp hình thức phạt chung không thể vượt mức cao nhất của mức xử phạt áp dụng đối với vi phạm nặng nhất ;

Ví dụ: Trần A lái xe cơ giới mà không có bằng lái xe, đã lái xe đi vào khu vực có biển báo cấm. Khi A đã thực hiện 2 vi phạm hành chính:

+ Đi vào khu vực đã có biển báo cấm ( Điểm c khoản 1 điều 5, nghị định 141/HĐBT ngày 25/4/1991 của HĐBT về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự).

+ Lái xe cơ giới mà không có bằng lái (điểm c khoản 2 điều 7 Nghị định trên ). Do vậy mức phạt tối đa đối với vi phạm thứ nhất là 50.000đ, vi phạm thứ 2 là 200.000đ, cho nên khi tổng hợp mức phạt thì mức cao nhất có thể áp dụng tối đa với A là 2000.000đ.

Nhiều người cùng thực hiện một vi phạm hành chính thì mỗi người đều bị xử phạt. tuy nhiên khi bị xử lý cũng cần xem xét tới các yếu tố chủ quan, khách quan có liên quan tới từng người vi phạm để xác định mức phạt cho thoả đáng .

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để quyết định hình thức, mức phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính .

Điều 37 Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính (pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính).

1/ UBND các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

2/ Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có thẩm quyền xử lý các vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực ngành mình.

3/ trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì việc xử lý do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện .

Ví dụ : Các vi phạm trong lĩnh vực thuộc quyền xử lý của cơ quan thuế và chủ tịch UBND. Các cơ quan khác đã thụ lý ban đầu đều phải chuyển hồ sơ cho cơ quan thuế xử lý.

### **Câu 63: “ ý nghĩa của thời hiệu trong xử phạt hành chính ”**

Vi phạm hành chính là do cá nhân hay tổ chức thực hiện một cách có ý hay vô ý, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính .

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính - Điều 9: Thời hiệu xử phạt hành chính .

1/ Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 1 năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Thời hạn trên được tính là 2 năm đối với các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tài chính. Xây dựng, môi trường, nhà ở, đất đai, đô thị, xuất bản, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất

cảnh, nhập cảnh. Các hành vi buôn lậu, sản xuất buôn hàng, bán hàng giả, nếu quá các thời hạn nói tên thì không xử phạt nhưng có thể bị áp dụng các biện pháp quy định các điểm a, b và d-khoản 3- Điều 11 của pháp lệnh này.

2/ Đối cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều vụ án thì bị xử phạt hành chính là 3 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ .

3/ trong thời hạn được quy định tại điều khoản 1 điều này nếu cá nhân tổ chức có vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nói tại điều khoản 1 và điều 2 này .

Thời hiệu quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điều 9 của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 919/7/1995. có một ý nghĩa thực tiễn trong tổ chức hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trách nhiệm cá nhân. Đảm bảo cho pháp luật được thực hiện, đảm bảo nguyên tắc pháp chế XHCN

Đồng thời đề cao trách nhiệm của các cán bộ cơ quan nhà nước là phải nhanh chóng kịp thời chính xác phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm hành chính

**Câu 64: “Phân tích nguyên tắc một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”.**

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hay tổ chức thực hiện một cách vô ý hay cố ý, xâm phạm quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

‘Một người vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần’.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt từng hành vi vi phạm đều bị xử phạt .

( Điều 3- phần 4- pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính )

Một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều vi phạm hành chính thì bị xử phạt từng vi phạm, nhưng tổng hợp hình thức phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của mức xử phạt áp dụng đối với vi phạm nặng nhất.

Ví dụ: Trần Q lái xe cơ giới mà không có bằng lái xe, đã lái xe đi vào khu vực có biển báo cấm. Khi A đã thực hiện 2 vi phạm hành chính:

+ Đi vào khu vực đã có biển báo cấm (Điểm c khoản 1 điều 5 Nghị định 141/HĐBT ngày 25/4/1991 của HĐBT về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.)

+Lái xe cơ giới mà không có bằng lái (điểm c, khoản 2 điều 7 Nghị định trên) .

Mức phạt tối đa đối với vi phạm thứ nhất là 50.000đ, vi phạm thứ 2 là 200.000đ. cho nên khi tổng hợp mức phạt tìi mắc cao nhất có thể áp dụng đối với A là 200,000đ

**Câu 65: “Phân tích vi phạm hành chính (hoặc phân tích khái niệm, đặc điểm vi phạm hành chính), cho ví dụ minh họa”**

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hay tổ chức thực hiện một cách vô ý hay cố ý, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là hình sự và theo quy định của pháp luật bị xử phạt hành chính.

Hành vi vi phạm hành chính được xác định là hành vi vi phạm mà cá nhân hoặc tổ chức khi vi phạm do lỗi cố ý hay vô ý đều được xác định là vi phạm hành chính. Vi phạm hành chính có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn so với tội hình sự. Vi phạm hành chính khác với tội vi phạm hình sự ở tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm. Tính chất nguy hiểm của hành vi phụ thuộc vào khả năng gây thiệt hại của hành vi. Nếu khả năng này lớn thì tính nguy hiểm của hành vi cao và ngược lại mức độ nguy hiểm của hành vi phụ thuộc vào quy mô vi phạm và thiệt hại thực tế đã xảy ra

- vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính không chỉ do luật mà còn do văn bản dưới luật điều chỉnh và chủ yếu thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan nhà nước và theo thủ tục hành chính. Trong thực tế số lượng vi phạm hành chính thường xuyên xảy ra ở các lĩnh vực của đời sống xã hội và tác hại của nó cũng rất lớn.

Ví dụ : Do chấp hành luật lệ giao thông không nghiêm nên hàng ngày trên các quốc lộ thường xuyên xảy ra do các hành vi vi phạm luật lệ giao thông dẫn đến mức độ thiệt hại về người và phương tiện rất lớn.

Mặc dù vi phạm hành chính rất đa dạng nhưng cũng có đặc điểm .

**Câu 66: “Phân tích tính quyền lực của văn bản quản lý hành chính nhà nước”**

Văn bản quản lý hành chính nhà nước là văn bản dưới luật do các chủ thể quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trên cơ sở để thi hành các văn bản của cơ quan quyền lực nhà nước để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình dưới hình thức và thủ tục pháp luật quy định, có nội dung và mệnh lệnh pháp luật. Có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng có liên quan và được đảm bảo và thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước